

HỌ TÊN: _____ LỚP: 3 _____

TOÁN – TUẦN 20

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1 : Chữ số La Mã XIX đọc là:

A. Hai mươi một

B. Mười tám

C. Mười chín

Câu 2. 1 223 làm tròn đến hàng chục được số nào?

A. 1 230

B. 1 220

C. 1 020

Câu 3. 3 246 làm tròn đến hàng chục được số nào?

A. 3 230

B. 3 220

C. 3 250

Câu 4: Số 3 478 có chữ số hàng chục là:

A. 8

B. 3

C. 4

D. 7

Câu 5. Số 2 868 làm tròn đến hàng chục được số nào?

A. 2 230

B. 2 870

C. 2 860

Câu 6:

a. Số lớn nhất trong các số: 1 345, 1 234, 1 254, 1 423, 1 354 là ?

A. 1 345

B. 1 234

C. 1 423

D. 1 354

b. Số bé nhất trong các số: 1 345, 1 234, 1 254, 1 423, 1 354 là ?

A. 1 345

B. 1 234

C. 1 254

D. 1 354

Câu 7: Số 16 được viết thành số La Mã là:

A. VIII

B. XVI

C. VXI

D. VVV

Câu 8: Số 23 được viết thành số La Mã là:

A. XIX

B. XXIII

C. XVII

D. XXV

II/ TỰ LUẬN

Bài 1. Hãy sắp xếp các số La Mã sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

XXI, V, XXIV, II, VIII, IV, XIX, XII.

.....

Bài 2. Viết các số lẻ nhỏ hơn 20 bằng số La Mã.

.....

Bài 3: Thực hiện các phép tính sau:

$X - IV = \dots\dots\dots$

$XX - IX = \dots\dots\dots$

$XIX - IX = \dots\dots\dots$

Bài 3. Các bạn Việt, Nam, Mai, Rô bốc chơi Ai nhanh Ai đúng được số điểm lần lượt như sau: 2 350, 1 990, 2 250, 1 930.

a. Bạn được cao điểm nhất là:

b. Bạn được hơn 2 000 điểm là:

c. Bạn nhận được ít hơn 2 000 điểm là:

Bài 4. SỐ?

Số	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
2 356	2		5	
3 789		7		
4 008	4			
9 809				9

Bài 5: Viết giờ tương ứng với mỗi đồng hồ dưới đây:

